

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 31/01/2018

“V/v Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Đặng Hoài Đình**
- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1/ Ông **Bùi Dương Tiễn**
2/ Bà **Trần Thị Thúy**
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 772/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1969, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lâm Minh H, sinh năm 1963, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 11, ấp K, xã L, huyện M, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Mai Thị N trình bày:

Bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1986, có tìm hiểu trước khoảng một năm, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn vì thiếu hiểu biết pháp luật. Vợ chồng bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H ham mê cờ bạc thường kiếm chuyện vô cớ để đánh bà mỗi khi không có tiền đánh bạc, vì thương con bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình. Ngày 17/12/2017 sau khi đi nhậu về ông H sang nhà cha mẹ ruột bà kiếm chuyện chửi bới, rồi đánh bà bầm tím cả mặt. Bà và ông H ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung tên Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1989 và Lâm Minh Đ, sinh năm 1993, cả hai đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – ông Lâm Minh H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung bà N trình bày đúng sự thật. Riêng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, ông cho rằng do ông nghe anh cột chèo của ông nói bà N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên ông có đánh bà N. Ông thừa nhận có thường xuyên uống rượu, nhưng không có ham mê cờ bạc và đập phá đồ đạc trong nhà. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông không đồng ý vì còn thương vợ con. Nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì về con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu gì. Tài sản chung, nợ chung ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của bà N đối với ông H. Về con chung: Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1989 và Lâm Minh Đ, sinh năm 1993, cả hai đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cả nguyên đơn bà Mai Thị N và bị đơn ông Lâm Minh H đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng tất cả các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội thì quan hệ vợ

chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987 mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Bà N và ông H đều thừa nhận đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 không đăng ký kết hôn. Nên cần áp dụng quy định tại Nghị quyết này để giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa bà N và ông H.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, theo bà N là do ông H thường xuyên uống rượu, ham mê cờ bạc kiếm chuyện vô cớ để đánh bà mỗi khi không có tiền đánh bạc. Còn theo ông H thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã đến mức độ trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông bà ly thân nhau đã lâu nhưng không ai có thiện chí đoàn tụ, ông H đã có hành vi bạo lực gia đình đối với bà N. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1989 và Lâm Minh Đ, sinh năm 1993, cả hai đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của bà N đối với ông H. Về con chung: Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1989 và Lâm Minh Đ, sinh năm 1993, cả hai đều đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu án phí không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của bà Mai Thị N đối với ông Lâm Minh H.

- Bà Mai Thị N được ly hôn với ông Lâm Minh H.

2/ Về con chung: Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1989 và Lâm Minh Đ, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống, nên không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4/Án phí: Bà Mai Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012903 ngày 18-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

5/Bà N và ông H được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND T. N;
- VKSND H. M;
- CCTHADS H.M;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Đình